

Cơ hội và thách thức cho hàng xuất khẩu của Việt Nam khi triển khai quy tắc xuất xứ theo Hiệp định TPP

LÊ THỊ ÁNH TUYẾT & HUỲNH THẾ NGUYỄN

Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan

Bài viết này chúng tôi khái quát những cơ hội và thách thức cho hàng hoá xuất khẩu của VN khi triển khai Quy tắc xuất xứ theo Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Kết quả phân tích cho thấy bên cạnh một số thuận lợi khi chúng ta xuất khẩu hàng hoá sang các nước thành viên TPP thì vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động này bởi các tiêu chuẩn khắt khe và nghiêm ngặt về xuất xứ của nó. Vì thế, giải pháp đột phá cho hàng xuất khẩu của VN khi tham gia áp dụng tiêu chuẩn xuất xứ TPP là lựa chọn ngành công nghiệp chủ lực và đầu tư ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành công nghiệp xuất khẩu chủ lực.

Từ khoá: TPP, quy tắc xuất xứ của TPP, công nghiệp xuất khẩu chủ lực.

1. Giới thiệu

Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement – còn gọi là TPP) là một Hiệp định thương mại tự do nhiều bên, được ký kết với mục tiêu thiết lập một mặt bằng thương mại tự do chung cho các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hiệp định này được ký kết ngày 3/6/2005, có hiệu lực từ 28/5/2006 giữa 4 nước Singapore, Chile, New Zealand, Brunei (vì vậy Hiệp định này còn gọi là P4). Từ năm 2010, có thêm 5 nước tham gia đàm phán gồm: Mỹ, Australia, Peru, VN và gần đây là Malaysia. Ngoài 9 nước vừa kể tên, thì hiện nay có 4 nước bày tỏ quan tâm và có thể tham gia trong thời gian tới là Nhật, Thái Lan, Philippines và Indonesia. Vì vậy, người ta đánh

giá TPP là một hiệp định của thế kỷ 21, không chỉ vì đây là hiệp định lớn mà còn ở tầm vóc và ảnh hưởng của nó. Về phạm vi, so với các hiệp định BTA, AFTA, và trong WTO, TPP mở rộng hơn, cả về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ. Ngoài ra còn là các vấn đề phi thương mại như mua sắm của chính phủ, môi trường, lao động, công đoàn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ... Với tầm vóc như vậy, các cam kết trong TPP sẽ sâu rộng hơn, toàn diện hơn, và dự báo ảnh hưởng sẽ rất lớn. Đó là điểm khác biệt cơ bản của TPP so với các hiệp định song phương và đa phương trước kia mà VN đã ký kết. Nhìn ở góc độ VN với vị thế một nước đang phát triển, trong khi các thành viên còn lại đa số là nước phát triển, cho thấy tính chất mở của TPP là nhằm mục

đích cho các nước có mức độ phát triển khác nhau nhưng cố gắng có một mẫu số chung là để cùng phát triển. Trong đó, phạm vi điều chỉnh của TPP có các nội dung chủ yếu sau: Cắt giảm thuế quan theo lộ trình từ 2006 đến 2015, Các vấn đề thương mại phi thuế quan như xuất xứ hàng hóa, các biện pháp phòng vệ thương mại, các biện pháp vệ sinh dịch tễ, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, sở hữu trí tuệ, mua sắm công, chính sách cạnh tranh, các vấn đề phi thương mại như hợp tác trong lĩnh vực môi trường, lao động, nhưng chưa bàn đến các vấn đề đầu tư, dịch vụ tài chính.

Có thể nói, trong năm 2013, hiệp định TPP là một trong những chủ đề kinh tế đang được doanh nghiệp VN rất quan tâm. Một câu hỏi đặt ra là liệu Hiệp định TPP sẽ mang lại các doanh nghiệp VN

những cơ hội và thách thức gì trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang có nhiều khó khăn và doanh nghiệp VN còn gặp rất nhiều trở ngại trong việc đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường thế giới như hiện nay. Bài viết này, chúng tôi nghiên cứu những vấn đề cơ bản của quy tắc xuất xứ trong TPP, một yếu tố được xem là chiếc chìa khóa vàng để từ đó các doanh nghiệp VN có được những hướng đi phù hợp nhất.

2. Quy tắc xuất xứ trong TPP

Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được hiểu là: các sản phẩm xuất khẩu từ một thành viên của TPP sang các thành viên khác đều phải có xuất xứ "nội khối". Như vậy, những ngành nào, sản phẩm nào, sử dụng các nguyên liệu của các nước thứ ba, ngoài thành viên TPP đều không được hưởng các ưu đãi thuế suất 0%. Thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong hiệp định thương mại tự do khác, chúng ta chỉ phải đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa. Chẳng hạn, để sản xuất được mũ giày thì chúng ta được phép nhập khẩu tất cả các nguyên phụ liệu mà không trùng với mã HS của mũ giày đó, từ bên ngoài khu vực mậu dịch tự do. Hơn 50% doanh nghiệp chúng ta hiện đã đáp ứng được nguyên tắc này. Tuy nhiên, trong Hiệp định TPP này lại có thêm quy định về hàm lượng giá trị khu vực; nghĩa là sản phẩm phải đạt tỷ lệ nội địa hóa từ 55% tổng giá trị trở lên. Doanh nghiệp chỉ được phép nhập tối đa 45% nguyên vật liệu từ các nước ngoài khối để sản xuất ra một sản phẩm, kể cả chi phí gia công.

Như vậy, theo những đề xuất về xuất xứ hàng hóa trong TPP, thì chúng ta có thể hiểu là các sản

phẩm xuất khẩu từ một thành viên của TPP sang các thành viên TPP khác đều phải có xuất xứ "nội khối TPP". Ví dụ, vải từ VN xuất khẩu vào các thành viên TPP khác, phải có xuất xứ của VN hoặc có xuất xứ từ các thành viên khác TPP. Khi đó các sản phẩm này mới được hưởng các ưu đãi mà các thành viên TPP dành cho nhau. Như vậy, những ngành nào, sản phẩm nào, sử dụng các nguyên liệu của các nước thứ ba, ngoài thành viên TPP đều không được hưởng các ưu đãi nói trên.

Ở đây, nếu TPP được ký kết với quy tắc xuất xứ nội khối như trên thì các doanh nghiệp VN muốn hưởng các ưu đãi trong TPP thì chỉ có thể chọn 2 hướng đi sau: Một là, những ngành gia công chế biến như dệt may, da giày, điện tử, gỗ... hiện nay đang nhập khẩu từ các nước thứ 3 ngoài TPP cần phải được rà soát lại để tăng cường sử dụng các nguyên liệu trong nước hoặc nhập khẩu các nguyên liệu của các nước trong TPP. Hai là, những ngành sản xuất hiện nay ở trong nước cũng cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh với các hàng hóa từ các nước TPP, sẽ được hưởng những ưu đãi rất lớn khi nhập khẩu vào VN.

Đối với VN, mục tiêu lớn nhất khi tham gia TPP là tăng cường lợi thế xuất khẩu sang các nước TPP, thông qua việc các nước này miễn hoặc giảm thuế cho hàng hóa VN. Tuy nhiên, điều này chỉ đạt được nếu hàng hóa của VN đáp ứng đầy đủ các yêu cầu rất cao và phức tạp về quy tắc xuất xứ, bắt buộc phải có nguyên liệu hoặc giá trị chủ yếu từ các nước thành viên. Trong khi đó, việc sản xuất hàng hóa xuất khẩu của VN lại phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu từ các nước ngoài TPP (như Trung Quốc, Hàn Quốc

và một số nước ASEAN).

Dễ dàng nhận thấy 12 nước nằm trong TPP đang được xem là khối thị trường đầy tiềm năng với 790 triệu dân, có tổng GDP 27 ngàn tỷ USD, đóng góp 40% GDP toàn cầu, chiếm 1/3 tổng kim ngạch toàn cầu, nếu đàm phán thành công VN kỳ vọng sẽ được hưởng lợi rất nhiều do hàng hóa của VN xuất khẩu vào Mỹ và các nước tham gia đàm phán ký kết Hiệp định TPP sẽ được cắt giảm gần như toàn bộ 100% thuế quan sẽ mở ra cơ hội lớn cho xuất khẩu. Tuy nhiên, với năng lực tự sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu còn hạn chế, thì những yêu cầu về quy tắc xuất xứ hàng hóa lại đang đặt ra các thách thức và mối lo ngại cho các doanh nghiệp VN. Có thể nói, quy tắc xuất xứ này của TPP vừa là một thách thức, cũng vừa là một cơ hội đối với các ngành sản xuất hàng xuất khẩu của VN. Nếu vượt qua được thách thức, khai thác được cơ hội, VN sẽ sớm vượt qua được thực trạng là một nước gia công đơn giản, chủ yếu là sử dụng lao động giá rẻ.

3. Cơ hội cho hàng xuất khẩu của VN

Kỳ vọng của VN khi tham gia đàm phán TPP là tiếp tục mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường các nước đối tác cho các ngành xuất khẩu chủ lực. Tham gia TPP, hàng hóa và dịch vụ của VN sẽ thuận lợi hơn khi tiếp cận thị trường các nước đối tác thông qua cắt giảm thuế quan, bãi bỏ các điều kiện hạn chế đối với đầu tư, dịch vụ. Trong khi đó, theo quy tắc xuất xứ của TPP thì khó khăn của các doanh nghiệp VN không nằm ở việc chứng minh xuất xứ hàng hóa, mà do VN chưa đảm bảo cung ứng đủ nguyên liệu phù hợp để sản xuất

ra các sản phẩm đáp ứng tiêu chí xuất xứ trong Hiệp định. Do vậy, trong những trường hợp đó, VN phải nhập khẩu nguyên liệu từ các nước khác, và sợ rằng phải nhập khẩu từ cả những nước không phải là thành viên tham gia Hiệp định.

Tuy nhiên, với việc Hiệp định TPP bao gồm 12 nước thành viên, trong đó có nhiều thành viên là đối tác lớn của VN, có khả năng cung ứng nguyên liệu như Malaysia, Nhật, Mỹ, Mexico..., VN có thể sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ những đối tác này để áp dụng quy tắc cộng gộp, thỏa mãn quy tắc xuất xứ trong Hiệp định TPP để được hưởng ưu đãi thuế quan, qua đó sẽ kích thích sản xuất, gia tăng khả năng xuất khẩu của hàng hóa VN sang thị trường các nước TPP, đặc biệt là Mỹ.

Đặc biệt là đối với ngành thủy sản, đây là ngành mà VN có thế mạnh và quy tắc xuất xứ không phải là rào cản nữa, đổi lại là rào cản về an toàn vệ sinh thực phẩm. Để tận dụng có hiệu quả ưu đãi mang tính bền vững từ hiệp định TPP, các nhà xuất khẩu chỉ cần lưu ý về môi trường ao nuôi và thức ăn cho thủy sản. Hay với ngành chế biến gỗ cũng tương đối thuận lợi vì trong thời gian qua, các nhà sản xuất gỗ nhập khẩu rất nhiều gỗ từ Úc, New Zealand, Mỹ. Các nước này là những thành viên của TPP.

Và khi VN có thể tiếp cận các thị trường lớn với mức thuế suất 0-5%, điều đó sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh lớn và triển vọng cho nhiều ngành hàng, đặc biệt là dệt may, da giày, thủy sản, đồ gỗ là các ngành xuất khẩu quan trọng hiện nằm trong nhóm 10 sản phẩm xuất khẩu chủ lực của nước ta. Các nhóm hàng này sẽ có cơ hội mở rộng xuất khẩu sang các nước

tham gia TPP, đặc biệt là tại Mỹ (thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới) và Nhật (thị trường nhập khẩu lớn thứ 4 thế giới).

4. Thách thức cho hàng xuất khẩu của VN

Dệt may hiện là ngành được quan tâm nhất khi VN tham gia TPP, vì đây là ngành đóng góp cho kim ngạch xuất khẩu rất lớn, tạo công ăn việc làm nhiều. Tuy nhiên, hiệp định TPP có những rào cản nhất định đối với ngành dệt may. Rào cản đó được thể hiện qua quy tắc xuất xứ như quy định về nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm may mặc phải đáp ứng yêu cầu từ sợi “yarn forward”, hoặc nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm vải dệt kim phải đáp ứng yêu cầu từ xơ “fiber forward”...

Thực tế có rất nhiều lo ngại cho ngành dệt may khi tham gia vào hiệp định này, mà trực tiếp là những thách thức đối với thị trường Mỹ. Như chúng ta đã biết, thị phần của VN xếp vị trí thứ 2 ở thị trường Mỹ nhưng vị trí này là không bền vững. Nguyên nhân là do thị phần của VN chỉ chiếm 8%, còn Trung Quốc đứng vị trí số 1 với 35-36% về thị phần, gấp 4,5 lần VN – sự chênh lệch là rất lớn. Trong khi đó, những thị trường ở vị trí thứ 3, thứ 4 cũng có 7% hoặc 6,5% thị phần, chỉ cần một sai lệch nhỏ trong định hướng chung là dệt may VN có thể mất vị trí thứ 2. Nghiêm trọng hơn, khi tham gia vào TPP, Mỹ yêu cầu áp dụng nguyên tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” là thách thức lớn đối với ngành dệt may VN. Thách thức này thể hiện ở chỗ, chuỗi cung ứng dệt may trên thế giới là chuỗi cung ứng toàn cầu, các nhà sản xuất, mua hàng đã có xu thế thiết lập tương đối ổn định chuỗi cung ứng của mình. Vì vậy, không dễ để

họ dịch chuyển chuỗi cung ứng từ những nước không nằm trong TPP dịch chuyển về những nước nằm trong TPP. Chưa tính đến trường hợp các doanh nghiệp VN có thể lo được vốn để đẩy mạnh đầu tư vào khâu sợi, dệt, nhuộm nhưng nếu các nhà máy trên không nằm trong chuỗi cung ứng, thì khả năng tham gia và hưởng lợi từ TPP là khó đạt được. Và một dẫn chứng từ thực tế dễ thấy rõ thách thức này đối với ngành dệt may VN hiện nay là khi chúng ta tham gia Hiệp định thương mại tự do (FTA) với Nhật, chúng ta được hưởng nguyên tắc “từ vải trở đi”. Mặc dù thông thoáng hơn cả nguyên tắc “từ sợi trở đi” của TPP nhưng trong 4 năm qua, việc thu hút đầu tư sản xuất vải cho thị trường Nhật để đáp ứng được FTA thực sự không đáng kể.

5. Định hướng và giải pháp

Để đảm bảo hàng hóa đáp ứng yêu cầu về xuất xứ, các doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ quy tắc xuất xứ trong Hiệp định TPP (sau khi được ký kết) để chắc chắn hàng hóa đáp ứng quy tắc cộng gộp và các tiêu chí xuất xứ tương ứng trước khi sản xuất, xuất khẩu. Đặc biệt, chúng ta cần nhận thức rõ một điều là nguyên nhân chính cho khó khăn hiện tại của VN trong vấn đề xuất xứ hàng hóa là do chúng ta vẫn chưa chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất xuất khẩu chủ lực, và nguyên nhân sâu xa từ thực trạng này chính là do VN chưa xây dựng được công nghiệp hỗ trợ cho ngành da giày và dệt may, hầu hết các phụ kiện đều phải nhập khẩu. Cho nên, nếu thực hiện nguyên tắc xuất xứ hàng hóa theo TPP, thì rõ ràng chúng ta không có đủ cơ sở để khẳng định mặt hàng mà chính chúng ta sản xuất mang nguồn gốc VN. Vì vậy,

vấn đề căn cơ nhất hiện nay là chúng ta phải cấp tốc, bởi thời gian không còn nhiều, chúng ta phải khẩn trương xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ để hỗ trợ cho ngành may mặc cũng như các ngành khác. Đó là giải pháp căn cơ nhất. Bên cạnh đó, chúng ta có thể có những giải pháp tạm thời khác ví dụ như thương lượng với các nước TPP để có thời gian, gọi là thời gian ân huệ nhất định để giúp điều kiện thời gian cho công nghệ phụ trợ đó phát triển.

Tóm lại, xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ cho các ngành hàng sản xuất xuất khẩu là giải pháp cấp bách nhất hiện nay đối với VN trong bối cảnh thực thi Hiệp định TPP. Tuy nhiên, phải nhìn nhận khách quan là giải pháp này mang tính dài hạn. Vì vậy, trước mắt mỗi doanh nghiệp cần xác định chiến lược kinh doanh riêng cho mình tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, hoặc là tận dụng những nguồn nguyên liệu sẵn có, để chiếm lĩnh thị trường nội địa và phát huy thế mạnh, tạo thương hiệu đẩy mạnh xuất khẩu hoặc là xây dựng chuỗi cung ứng riêng ngay trong nước cho chính doanh nghiệp. Dù theo định hướng nào thì khi VN tham gia những hiệp định TPP, các doanh nghiệp cần phải thông suốt mọi quy định, và nắm bắt kịp thời những lợi thế, từ đó có những chiến lược phù hợp thì mới tránh được những thua thiệt trong thương mại quốc tế ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo *Lao động*, số 221, “VN tham gia TPP, lợi thế cho các doanh nghiệp xuất khẩu chủ lực” ngày 25/09/2013.
- Các Ngọc, “Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), Quy tắc xuất xứ như một chìa khóa”, Báo *Sài Gòn tiếp thị*, ngày 31/10/2013.
- http://vi.wikipedia.org/wiki/Hiệp_định_Đối_tác_Kinh_tế_Chiến_lược_xuyên

- Thái_Bình_Dương.
 Mỹ Hạnh, “TPP – Sân chơi mới khốc liệt nhưng đầy cơ hội”, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 18/10/2013.
 Office of the United states trade representative, Trans-Pacific Partnership

- Leaders Statement.
 Phạm Thu, “Ngành dệt may lo quy tắc xuất xứ từ sợi trở đi”, Báo *Hải quan*, ngày 29/03/2013.
 VCCI, *Quy tắc xuất xứ: Quyết định sự hưởng lợi hàng hóa xuất khẩu của VN*, ngày 31/10/2013.

Minh bạch chính sách tiền tệ...

(Tiếp theo trang 17)

Để bổ sung thêm bằng chứng thực nghiệm thảo luận về truyền dẫn lãi suất bán lẻ ở VN, chúng tôi nghĩ rằng cần mở rộng nghiên cứu chủ đề này ở khía cạnh mở rộng thu thập dữ liệu đến các ngân hàng thương mại không có vốn chi phối của nhà nước và mở rộng đối tượng chịu tác động của lãi suất thị trường liên ngân hàng và lãi suất chính sách như lãi suất trái phiếu, lãi suất cho vay thế chấp... ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- De Bondt (2002), *Retail bank interest rate pass-through: new Evidence at the euro area level*, Working Paper No.136, European Central Bank.
- Enders, W., Granger, C.W.J. (1998), “Unit-root test and asymmetric with an example using the structure of interest rates”, *Journal of Business and Economic Statistics* 16, 304–311.
- Kuan-Min Wang & Thanh-Binh Nguyen Thi (2010), “Asymmetric pass-through and risk of interest rate: an empirical exploration of Taiwan and Hong Kong”, *Applied Economics, Taylor and Francis Journals*, vol. 42(5), pages 659–670.
- Kuan-Min Wang, Yuan-Ming Lee (2009), “Market volatility and retail interest rate pass-through”, *Economic Modelling* 26 (2009) 1270–1282.
- Kwapil, C., & Scharler, J. (2010), “Interest rate pass-through, monetary policy rules and macroeconomic stability”, *Journal of International Money and Finance* 29 (2010) 236–251
- Ming-Hua Liu, Dimitri Margaritis & Alireza Tourani-Rad, (2008), “Monetary policy transparency and pass-through of retail interest rates”, *Journal of Banking & Finance* 32 (2008) 501–511.
- Muhamed Zulkhibri (2012), “Policy rate pass-through and the adjustment of retail interest rates: Empirical evidence from Malaysian financial institutions”, *Journal of Asian Economics* 23 (2012) 409–422.
- Phillips, P.C.B., Loretan, M. (1991), “Estimating long-run equilibria”, *The Review of Economic Studies* 58, 407–436.
- Sørensen, C.K., & Werner, T (2006), *Bank interest rate pass-through in the euro area cross country comparison*, ECB Working Paper No. 580
- Stelios Karagiannis, Yannis Panagopoulos & Prodromos Vlamis (2010), *Symmetric or Asymmetric Interest Rate Adjustments? Evidence from Southeastern Europe*. Hellenic Observatory, LSE in its series GreeSE – Hellenic Observatory Papers on Greece and Southeast Europe with number 39. Online at: <http://www2.lse.ac.uk/europeanInstitute/research/hellenicObservatory/pdf/GreeSE/GreeSE39.pdf> [Accessed 8/8/2013]